

Bản án số: **201/2022/DS-ST**

Ngày: 26/9/2022.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn.
2. Bà Phan Thị Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 87/2021/TLST-DS ngày 16/11/2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HPT ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

*** Đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trụ sở: 198 đường Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

*** Người đại diện theo ủy quyền:**

Ông Trần Bình A – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh I.

(Giấy ủy quyền số 27/UQ-VCB-PC ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V).

*** Người đại diện theo ủy quyền lại:**

1. Ông Thái Thu N, sinh năm 1962 – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh B;
2. Ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1976 – Chức vụ: Trưởng Phòng GD O.

Địa chỉ liên lạc: Số 129 – 129A đường G, phường C, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 903/GUQ-NHNT.CNBTA ngày 20/01/2022 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh B).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 424/20 đường V, phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Cửa hàng VLXD E, xã Q, huyện P, tỉnh An Giang.

2/ Ông Trần Văn A, sinh năm 1984.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã Q, huyện P, tỉnh An Giang.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Cửa hàng VLXD Trang Nguyên, xã U, huyện P, tỉnh An Giang.

(Giấy ủy quyền được chứng thực số 39, quyển số 01/2022-SCT/CK, ĐC do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh An Giang chứng thực ngày 04/4/2022).

Ông Thái Thu N, ông Đỗ Hữu H có mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A vắng mặt, không thông báo lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2021; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 09/11/2021; Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Hữu H trình bày:*

- Ngày 08/01/2020, giữa bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020, cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng);

+ Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thời hạn cho vay: 180 tháng.

Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã nhận nợ vay theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 08/01/2020, số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

Theo điều khoản của Hợp đồng cho vay, Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A có trách nhiệm phải thanh toán lãi vay vào ngày 06 hàng tháng và thanh toán nợ gốc Giấy nhận nợ khi đến hạn thanh toán cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A theo Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí

Minh (Thửa đất số: 416; Tờ bản đồ số: 130), thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 002/NHNT-BT/HB/TC/20 ngày 07/02/2020, đã được Văn phòng công chứng Đầm Sen, TPHCM chứng nhận ngày 07/02/2020, số công chứng: 00002910, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/02/2020.

- Căn cứ Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 003C20HB/PHT ngày 03/01/2020, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phát hành thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A đã ký Hợp đồng số 003C20HB /PHT ngày 03/01/2020 với hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Từ ngày 06/05/2021, bà T và ông A đã chậm thanh toán nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 và Hợp đồng phát hành thẻ số 003C20HB/PHT ngày 03/01/2020. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ cho bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A.

Tính đến ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã thanh toán phần nợ vay quá hạn và dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng (thẻ tín dụng hiện tại đã hủy bỏ). Tuy nhiên khoản vay của ông A, bà T vẫn đang được phân nhóm nợ xấu do ông A, bà T vẫn thường xuyên chậm thanh toán.

Hiện nay, toàn bộ khoản vay của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã chuyển sang nợ xấu và Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ bằng nhiều hình thức như gửi công văn thông báo nợ quá hạn, gọi điện thoại và trực tiếp đến địa chỉ nhà bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A. Đến thời điểm hiện tại, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A không có biện pháp để giải quyết dứt điểm tình trạng nợ quá hạn nêu trên cho Ngân hàng.

Tạm tính đến hết ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 3.410.311.941 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.332.901.086 đồng; nợ lãi trong hạn là 77.198.296 đồng và nợ lãi quá hạn là 212.559 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 26/9/2022 là 3.410.311.941 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.332.901.086 đồng; nợ lãi trong hạn là 77.198.296 đồng và nợ lãi quá hạn là 212.559 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bà T và ông A còn phải trả toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi bà T và ông A thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay.

2. Trường hợp sau khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án về

việc bà T và ông A phải thanh toán dứt điểm các khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V mà bà T, ông A vẫn chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án tuyên quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Tài sản thế chấp là: Nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 130) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà T và ông A.

3. Trường hợp việc phát mãi các tài sản nêu trên vẫn chưa đủ để thu hồi nợ gốc, lãi vay, lãi phạt và các chi phí phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án buộc kê biên những tài sản khác của bà T và ông A để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không có yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 28/02/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn A trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 08/01/2020, bà và ông Trần Văn A có ký hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh B, cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng);

+ Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thời hạn cho vay: 180 tháng.

Bà và ông Trần Văn A đã nhận nợ vay theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 08/01/2020, số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

Theo điều khoản của Hợp đồng cho vay, bà và ông Trần Văn A có trách nhiệm phải thanh toán lãi vay vào ngày 06 hàng tháng và thanh toán nợ gốc Giấy nhận nợ khi đến hạn thanh toán cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A theo Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Thửa đất số: 416; Tờ bản đồ số: 130), thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 002/NHNT-BT/HB/TC/20 ngày 07/02/2020, đã được Văn phòng công chứng Đầm Sen, TPHCM chứng nhận ngày 07/02/2020, số công chứng: 00002910, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/02/2020.

Ngoài ra, bà và ông Trần Văn A có ký Hợp đồng phát hành thẻ số 003C20HB/PHT ngày 03/01/2020 với hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Từ ngày 06/05/2021, do tình hình dịch bệnh nên bà và ông A đã chậm thanh

toán nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 và Hợp đồng phát hành thẻ số 003C20HB/PHT ngày 03/01/2020.

Nhưng tính đến tháng 11/2021, bà và ông A đã thanh toán được số tiền gốc là 133.199.989 đồng và 180.395.626 đồng tiền lãi;

Đối với thẻ tín dụng thì bà và ông A đã thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi, không còn nợ lại nghĩa vụ gì đối với thẻ.

Nay bà (Nguyễn Thị Huyền T) xác nhận bà và ông Trần Văn A còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 11/10/2021 là 3.856.342.627 đồng - 133.199.989 đồng đã trả vào tháng 11/2021.

Bà và ông Trần Văn A cam kết sẽ tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng đúng hợp đồng cho vay đã ký kết, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Hữu H trình bày:

Nay nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn về hợp đồng tín dụng như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Nguyên đơn xin trình bày chi tiết thêm về quá trình thực hiện hợp đồng vay của các nguyên đơn như sau: Tính đến ngày 26/9/2022, ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị Huyền T đã thanh toán được 35 kỳ nợ gốc với tổng số tiền 667.098.914 đồng, dư nợ gốc là 3.332.901.086 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn đã trả từ ngày 08/01/2020 đến ngày 26/9/2022 là 821.671.723 đồng, nợ lãi chưa trả là 77.198.296 đồng. Lãi quá hạn đã thanh toán là 4.421.833 đồng, số chưa thanh toán là 212.559 đồng. Lãi suất tính theo thỏa thuận của hợp đồng: Từ 08/01/2020 đến 08/01/2021 lãi suất là 7,8%/năm. Sau đó sẽ được điều chỉnh theo lãi suất biến động thị trường giao động từ 9%/năm đến 10,50% /năm (có bảng tính lãi chi tiết kèm theo bản tự khai).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 3.410.311.941 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.332.901.086 đồng; nợ lãi trong hạn là 77.198.296 đồng và lãi quá hạn là 212.559 đồng.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với các bị đơn về Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 003C20HB /PHT ngày 03/01/2020 với hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng. Lý do rút yêu cầu: Do bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã thanh toán toàn bộ dư nợ của thẻ tín dụng nêu trên và đã hủy bỏ thẻ tín dụng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thái Thu N thông nhất hoàn toàn với lời trình bày của ông Đỗ Hữu H, không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không thông báo lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử tại phiên tòa;

-Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A có ký kết Hợp đồng cho vay số 003C20HB với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Ngân hàng) để vay vốn với số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), thời hạn là 180 tháng, lãi suất cho vay 7,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hàng tháng 06 tháng, Bà T và ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông A, bà T thanh toán nợ gốc 3.332.901.086 đồng và lãi trong hạn là 77.198.296 đồng lãi phạt gốc quá hạn 212.559 đồng. Tổng cộng số tiền ông, bà phải thanh toán là 3.410.311.941 đồng. Lãi sẽ tiếp tục tính kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ dư nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Ngày 03/01/2020, bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A ký văn bản đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 003C20HB/PHT với hạn mức 20.000.000 đồng. Bà T và ông A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng toàn bộ số tiền trên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ liên quan đến thẻ tín dụng.

Từ sự phân tích như trên;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn rút tại phiên tòa

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 3.410.311.941 đồng. Lãi sẽ tiếp tục tính kể từ ngày 27/9/2022. Trong trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh, phí và các chi phí liên quan theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ và lãi phát sinh, phí và các chi phí liên quan cho Ngân hàng thì phải tiếp tục nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A trả tổng số tiền nợ vay 3.410.311.941 đồng theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, các bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ Số 424/20 đường V, phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Huyền T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn A (bị đơn) xác nhận: Ngày 08/01/2020, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A có ký hợp đồng cho vay số 003C20HB với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh B, nội dung hợp đồng: Số tiền vay là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Mục đích vay: để thanh toán tiền mua bất động sản tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn vay là 180 tháng. Số tiền vay đã được giải ngân cho bà T, ông A. Bà T xác nhận đã nhận số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Kỳ hạn thanh toán gốc và lãi vào ngày 06 hàng tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy trình theo quy định; bên vay đã được giải ngân đầy đủ số tiền vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 06/05/2021, bà T và ông A đã chậm thanh toán nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay nêu trên là vi phạm Điều 9 hợp đồng tín dụng nêu trên, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A phải thanh toán toàn bộ khoản nợ 3.410.311.941 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.332.901.086 đồng; nợ lãi trong hạn

là 77.198.296 đồng và lãi phạt quá hạn là 212.559 đồng (tạm tính đến hết ngày 26/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng cho vay và các quy định tại Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. *(Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).*

2.2. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 002/NHNT-BT/HB/TC/20 ngày 07/02/2020:

Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh B là do các bên tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Đầm Sen, TPHCM chứng nhận ngày 07/02/2020, số công chứng: 00002910, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/02/2020 là phù hợp với quy định tại các Điều 318, Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được công nhận là hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 308, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 130, tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 598626; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05797 do Ủy ban nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/12/2018, đăng ký cập nhật tài sản là nhà ở ngày 08/7/2019, đăng ký cập nhật chủ sở hữu cuối cùng (bà Nguyễn Thị Huyền T) ngày 14/01/2020, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 002/NHNT-BT/HB/TC/20 ngày 07/02/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A.

Trường hợp số tiền phát mại, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bà T, ông A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V bằng bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của bà T, ông A và các nguồn hợp pháp khác cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

2.3. Đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 003C20HB /PHT ngày 03/01/2020 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Chi nhánh B, hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 003C20HB /PHT ngày 03/01/2020, lý do: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A đã thanh toán toàn bộ dư nợ của thẻ tín dụng nêu trên và đã hủy bỏ thẻ tín dụng.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút nêu trên là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3.] *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.206.239 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 54.563.426 đồng theo biên lai thu số 0011582 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu. Ghi nhận đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 308, Điều 318, Điều 319, Điều 320 và Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Cụ thể:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 là **3.410.311.941 đồng** (Ba tỉ bốn trăm mười triệu ba trăm mười một ngàn chín trăm bốn mươi một đồng). Trong đó: nợ gốc là **3.332.901.086 đồng**; nợ lãi trong hạn là **77.198.296 đồng** và lãi quá hạn là **212.559 đồng**.

Kể từ ngày 27/9/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 003C20HB ngày 08/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 130, tại địa chỉ số 552B đường U, phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 598626; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05797 do Ủy ban nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/12/2018, đăng ký cập nhật tài sản là nhà ở ngày 08/7/2019, đăng ký cập nhật chủ sở hữu cuối cùng (bà Nguyễn Thị Huyền T) ngày 14/01/2020, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 002/NHNT-BT/HB/TC/20 ngày 07/02/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A; được Văn phòng công chứng Đầm Sen, TPHCM chứng nhận ngày 07/02/2020, số công chứng: 00002910, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/02/2020.

Trường hợp số tiền phát mại, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bà T, ông A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V bằng bất kỳ tài sản nào thuộc

sở hữu của bà T, ông A và các nguồn hợp pháp khác cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

3/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 003C20HB /PHT ngày 03/01/2020 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Trần Văn A với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Trần Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **100.206.239 đồng** (Một trăm triệu hai trăm lẻ sáu ngàn hai trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí **54.563.426 đồng** (Năm mươi tư triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0011582 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu. Ghi nhận đã nộp xong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú